**SỞ GD&ĐT ĐỒNG NAI** **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2016-2017**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT CHUYÊN** |  | **Môn: NGỮ VĂN – KHỐI 11** | |
| **LƯƠNG THẾ VINH** |  | Ngày kiểm tra: 1/ 3/ 2017 | |
|  | *Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề* | | |
|  |  | *Đề thi gồm: 01 trang.* | |
|  |  |  |  |

**I. Đọc hiểu (3.0 điểm)**

***Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:***

*Mỗi một con người đều có vai trò trong cuộc đời này và đều đáng được ghi nhận. Đó là lý do để chúng ta không vì thèm khát vị thế cao sang này mà rẻ rúng công việc bình thường khác. Cha mẹ ta, phần đông, làm những công việc rất bình thường. Và đó là một thực tế mà chúng ta cần nhìn thấy. Để trân trọng. Không phải để mặc cảm. Để bình thản tiến bước. Không phải để tự ti. Nếu tất cả đều là doanh nhân thành đạt thì ai sẽ quét rác trên những đường phố? Nếu tất cả là bác sĩ nổi tiếng thế giới thì ai sẽ là người dọn vệ sinh bệnh viện? Nếu tất cả đều là nhà khoa học thì ai sẽ là người tưới nước những luống rau? Nếu tất cả là kỹ sư phần mềm thì ai sẽ gắn những con chip vào máy tính.*

(Trích *Nếu biết* *trăm năm là hữu hạn* – Phạm Lữ Ân, NXB Hội nhà văn, 2012, tr.160, 161)

**Câu 1.** Nêu nội dung chính của văn bản. (0.5 điểm)

**Câu 2.** Xác định hình thức kết cấu và chỉra câu chủ đềcủa đoạn văn. (0,5 điểm)

**Câu 3.** Phân biệt các thái độsau:*Tự**ti*với*khiêm tốn*;*tự**tin*với*tự**phụ*. (1.0 điểm)

**Câu 4.** Chỉra các biện pháp tu từvà phân tích hiệu quảbiểu đạt của chúng trong những câusau (1.0 điểm):

*Nếu tất cả đều là doanh nhân thành đạt thì ai sẽ quét rác trên những đường phố? Nếu tất cả là bác sĩ nổi tiếng thế giới thì ai sẽ là người dọn vệ sinh bệnh viện? Nếu tất cả đều là nhà khoa học thì ai sẽ là người tưới nước những luống rau? Nếu tất cả là kỹ sư phần mềm thì ai sẽ gắn những con chip vào máy tính.*

**II. Làm văn (7.0 điểm)**

**Câu 1.** Đứng trước ngưỡng cửa cuộc đời, anh/chịsẽlựa chọn nghềnghiệp cho mình vì lí donào: vì đam mê, vì tiền bạc, vì danh tiếng… (hoặc lí do khác). Hãy trình bày quan điểm cá nhân bằng một đoạn văn (từ 15 – 20 dòng). (2.0 điểm)

**Câu 2.** Cảm nhận bức tranh thiên nhiên và cái tôi trữ tình trong đoạn thơ sau: (5.0 điểm)

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,*

*Con thuyền xuôi mái nước song song,*

*Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;*

*Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

(*Tràng giang* – Huy Cận – SGK Ngữ văn 11, tập 2 – trang 29)

--------HẾT-------

**SỞ GD&ĐT ĐỒNG NAI** **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**TRƯỜNG THPT CHUYÊN**

**LƯƠNG THẾ VINH**

**NĂM HỌC 2016-2017**

**Môn: NGỮ VĂN – KHỐI 11**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** |  | **Nội dung** | **Điểm** |
|  |  | |  |
| **I** | **Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi** | | **3.0** |
|  | 1. | Nội dung của văn bản: Mỗi con người trong cuộc đời đều có vai trò | 0.5 |
|  | quan trọng vì thế cần tự tin để sống và có cái nhìn trân trọng tất cả | |  |
|  | các nghề nghiệp chân chính trong xã hội. | |  |
|  |  |  |  |
|  | 2. | Hình thức kết cấu đoạn văn: Kết cấu diễn dịch. | 0.5 |
|  | Câu chủ đề của đoạn văn: *Mỗi một con người đều có vai trò trong* | |  |
|  | *cuộc đời này và đều đáng được ghi nhận.* | |  |
|  |  |  |  |
|  | 3. | Phân biệt các thái độ: | 1.0 |
|  | - Tự ti với khiêm tốn: | |  |

* Tự ti: tự đánh giá thấp mình nên tỏ ra thiếu tự tin. Đây là thái độ tiêu cực.
* Khiêm tốn: Có ý thức và thái độ đúng mức trong việc đánh giá bản thân, không tự đề cao, không kiêu căng, tự phụ. Đây là thái độ tích cực.

- Tự tin với tự phụ:

* Tự tin: Tin vào bản thân mình. Đây là thái độ tích cực.
* Tự phụ: Tự đánh giá quá cao tài năng, thành tích của mình, do đó coi thường mọi người, kể cả người trên mình. Đây là thái độ tiêu cực.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 4. Xác định : | 1.0 |  |
|  |  |

* Biện pháp tu từ: + Câu hỏi tu từ.

+ Điệp cấu trúc “Nếu… thì…”

* Tác dụng: nhấn mạnh vào vai trò của tất cả những nghề nghiệp chân chính trong xã hội, tăng tính thuyết phục cho quan điểm tác giả nêu ở đầu đoạn văn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II** | **Làm văn** | 7.0 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **1. HS viết được đoạn văn:** |  |
|  | \* Yêu cầu về kĩ năng: biết cách viết đoạn văn; đoạn văn hoàn chỉnh | 0.5 |
|  | chặt chẽ; diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả; đảm |  |
|  | bảo dung lượng như yêu cầu đề. |  |
|  | \* Yêu cầu về kiến thức: |  |
|  | - Nêu được quan điểm chọn nghề của bản thân. | 1.5 |
|  | - Lí giải thuyết phục quan điểm cá nhân. |  |
|  | ***Thí sinh có thể trình bày bài làm theo những cách khác, nhưng*** |  |
|  | ***phải nhưng phải hợp lí, thuyết phục; GV linh hoạt trong đánh giá.*** |  |
|  |  |  |
|  | **2. Cảm nhận bức tranh thiên nhiên và cái tôi trữ tình** |  |
|  |  |  |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận. | 0.25 |
|  |  |  |
|  | b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: *bức tranh thiên nhiên và cái tôi* | 0.25 |
|  | *trữ tình trong khổ thơ đầu của bài “Tràng giang”.* |  |
|  |  |  |
|  | c. Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm, thể hiện sự | 4.0 |
|  | cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt |  |
|  | chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. |  |

* Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận.
* Cảm nhận bức tranh thiên nhiên và cái tôi trữ tình trong đoạn thơ: + Bức tranh thiên nhiên: mênh mông, rộng lớn, vắng vẻ, hiu quạnh.

+ Cái tôi trữ tình: cảm thấy buồn da diết, thấy cô đơn nhỏ bé, cảm nhận thân phận trôi dạt giữa dòng đời.

* Đánh giá:
* Nghệ thuật: Thể thơ thất ngôn, thi liệu vừa cổ điển vừa hiện đại, từ láy nguyên, phép đối ngẫu tạo nhịp thơ trầm buồn nhịp nhàng…
* Cảnh thiên nhiên bao la; cái tôi ẩn chứa nỗi sầu nhân thế, thời thế; trong sáng, nhân văn; tạo nên phong cách riêng cho thơ Huy Cận.

|  |  |
| --- | --- |
| d. Sáng tạo | 0.25 |

* Có cách diễn đạt sáng tạo.
* Có suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ.

|  |  |
| --- | --- |
| e. Chính tả, dùng từ, đặt câu | 0.25 |

***Thí sinh có thể trình bày bài làm theo những cách khác, nhưng phải nhưng phải hợp lí, thuyết phục; GV linh hoạt trong đánh giá.***

**ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I + II = 10.00 điểm**

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD-ĐT ĐỒNG NAI**  **TRƯỜNG THPT DẦU GIÂY** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II, LỚP 11**  **NĂM HỌC 2014-2015**  **Môn: Ngữ Văn**  **Thời gian làm bài: 90 phút** |

**Câu 1: (3 điểm)**

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

(…) Nhà em có một giàn giầu,

Nhà anh có một hàng cau liên phòng.

*Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,*

*Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?*

(Nguyễn Bính – *Tương tư*)

1. Nêu thể loại của văn bản.(0,5 điểm)
2. Theo anh (chị), hình ảnh “trầu” - “cau” trong văn bản trên có ý nghĩa gì? (1,0 điểm)
3. Chỉ ra và nêu ý nghĩa của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ thứ 3. (1,0 điểm)
4. Hoài Thanh cho rằng, trong thơ của Nguyễn Bính có “hồn xưa của đất nước”. Qua văn bản trên, anh (chị) có đồng ý với nhận xét đó không? Vì sao? (0,5 điểm)

**Câu 2: (7 điểm)**

Phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ “Vội vàng” của Xuân Diệu. Qua đó, hãy trình bày suy nghĩ của anh (chị) để những bạn thanh niên đang buồn chán nhận ra rằng cuộc sống thật đáng yêu, đáng sống.

Tôi muốn tắt nắng đi

Cho màu đừng nhạt mất;

Tôi muốn buộc gió lại

Cho hương đừng bay đi.

*Của ong bướm này đây tuần tháng mật;*

*Này đây hoa của đồng nội xanh rì;*

*Này đây lá của cành tơ phơ phất;*

*Của yến anh này đây khúc tình si;*

*Và này đây ánh sáng chớp hàng mi,*

*Mỗi buổi sớm thần Vui hằng gõ cửa;*

*Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;*

*Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa:*

*Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.* (…)

(Xuân Diệu - *Vội vàng*)

**- HẾT -**

**ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11 NĂM HỌC 2014 – 2015**

Câu 1: (3 điểm)

1. Văn bản thuộc thể thơ lục bát.
2. Hình ảnh “trầu – cau” thể hiện ước muốn được chung đôi, sánh duyên với nhau. 3.

* Biện pháp hoán dụ

+ “Thôn Đoài”: người thôn Đoài.

+ “Thôn Đông”: người thôn Đông.

* Chàng trai sử dụng cách nói bóng gió để bày tỏ nỗi nhớ mong.

4. “Hồn xưa của đất nước” thể hiện ở thể thơ lục bát truyền thống, hình ảnh trầu cau quen thuộc trong ca dao về tình yêu đôi lứa; vẻ đẹp tâm hồn của nhân dân lao động trong tình yêu…

Câu 2: (7 điểm)

1. **Yêu cầu về kĩ năng:**

Biết cách làm bài văn nghị luận văn học kết hợp với nghị luận xã hội. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

1. Yêu cầu về kiến thức:

Trên cơ sở hiểu biết về tác giả, tác phẩm, học sinh phân tích sâu sắc để làm sáng tỏ nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ. Từ đó, bàn luận về giá trị, ý nghĩa, vẻ đẹp của cuộc sống. Điều quan trọng để xác định chất lượng bài làm là ở chiều sâu của sự cảm nhận, của lí lẽ phân tích chứ không phải ở số lượng ý.

Nội dung chính cần thể hiện:

1. Mở bài:

Nêu vấn đề nghị luận: Giới thiệu tác giả Xuân Diệu, tác phẩm *Vội vàng,* đoạn thơ cần phân tích. Từ đó, liên hệ thực tế: cuộc sống tươi đẹp, đáng yêu và đáng sống.

1. Thân bài

- Nêu xuất xứ của bài thơ, vị trí và nội dung của đoạn trích.

- Phân tích đoạn thơ:

+ Nội dung:

۟۟• Tình yêu cuộc sống mãnh liệt của Xuân Diệu thể hiện qua ước muốn “tắt nắng, buộc gió”, vui sướng khám phá vẻ đẹp cuộc sống, vội vàng tận hưởng…

۟۟• Quan điểm thẩm mĩ mới mẻ của Xuân Diệu.

+ Nghệ thuật: Phép điệp, liệt kê, thể thơ tự do, giọng điệu sôi nổi…

- Liên hệ vấn đề xã hội:

+ Biểu hiện của vẻ đẹp, giá trị, ý nghĩa của cuộc sống từ những điều bình dị, thân thương.

+ Thanh niên cần có lối sống đẹp, có lý tưởng, yêu đời, yêu cuộc sống, cống hiến tài đức để tô đẹp cho đời.

+ Phê phán những thanh niên dễ nản lòng, buông xuôi trước khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

1. Kết bài: Nhận xét, đánh giá chung về vấn đề nghị luận

Thang điểm

* 7 đ: nắm vững vấn đề, trình bày bài viết theo từng luận điểm rõ ràng, triển khai sâu sắc luận
* điểm trọng tâm, lập luận logic, lý lẽ thuyết phục, hành văn tốt, không mắc lỗi chính tả.
* 5 - 6 đ: Hiểu vấn đề, trình bày bài viết theo từng luận điểm, lập luận và lý lẽ phù hợp với vấn đề nghị luận, hành văn mắc một số lỗi diễn đạt, chính tả.
* 3 - 4 đ: Triển khai vấn đề nghị luận còn sơ sài, bố cục không rõ ràng, mắc một số lỗi diễn
* đạt, chính tả.
* 1 - 2 đ: Bài viết quá sơ sài.
* 0 đ: Bài làm lạc đề.

- HẾT -

